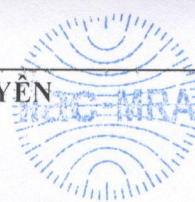


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 118-2020/KQ

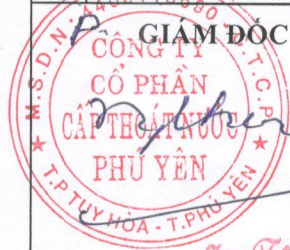
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/04/2020

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Vũng Rô
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 51B09/20
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 31/03/2020
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị		SMEWW-2150:2011 2	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)		SMEWW-2160:2011 TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,31
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,45
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOD=0,02)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12,46
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	15,13
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,003)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	2,0
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	47
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,20
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	3,8
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,46
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOD=0,005)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,62
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E-Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH



PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

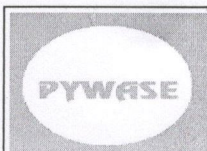
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/9/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 119-2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/04/2020

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cảng Vũng Rô
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 51M₁09/20
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 31/03/2020
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị		SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)		TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,33
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,44
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOD=0,02)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12,8
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	14,63
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,003)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	1,6
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	52
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,25
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	3,8
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,46
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOD=0,005)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	KPH (LOD=0,38)
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH



PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

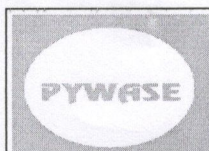
Ghi chú: **Nguyễn Tấn Thuận****Nguyễn Văn Phong****Võ Bá Duy Huân**

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/9/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 120-2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/04/2020

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối tuyến Thôn Vũng Rô
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 51M₂09/20
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 31/03/2020
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị		SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7,3
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,5
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,02
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12,8
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	14,63
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	1,5
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	51
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,20
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	4,0
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,33
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOD=0,005)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	KPH (LOD=0,38)
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH



PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/9/2019

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân